TỔNG CÔNG TY ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM
CHI NHÁNH
KHAI THÁC ĐS THỪA THIÊN HUẾ

Số: 154 /QĐ-CNTTH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Huế, ngày 30 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành giá cụ thể các dịch vụ khai thác tài sản đường sắt[1] do Chi nhánh Khai thác đường sắt Thừa Thiên Huế quản lý, khai thác

GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH KHAI THÁC ĐƯỜNG SẮT THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 ngày 21/6/2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024;

Căn cứ Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 15/2025/NĐ-CP ngày 03/02/2025 của Chính phủ về việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt;

Căn cứ Quyết định số 2016/QĐ-ĐS ngày 19/12/20214 của Tổng Giám Đốc Tổng công ty đường sắt Việt Nam về việc thành lập Chi nhánh Tổng công ty Đường sắt Việt Nam – Khai thác đường sắt Thừa Thiên Huế;

Căn cứ Quyết định số 909/QĐ-ĐS ngày 02/7/2025 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Đường sắt Việt Nam về việc ban hành Quy chế tổ chức quản lý, sử dụng và khai thác tài sản đường sắt của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 1074/QĐ-ĐS ngày 24/7/2025 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Đường sắt Việt Nam về việc phê duyệt giá tối thiểu dịch vụ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt do Chi nhánh Khai thác đường sắt Thừa Thiên Huế quản lý, khai thác;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh và Tài chính kế toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành giá cụ thể các dịch vụ khai thác tài sản đường sắt do Chi nhánh Khai thác đường sắt Thừa Thiên Huế quản lý, khai thác (chi tiết trong Phụ lục kèm theo Quyết định này).

---

[1] Trong Quyết định này, Tài sản đường sắt bao gồm: 1) Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia do Nhà nước đầu tư, quản lý giao cho Tổng công ty Đường sắt Việt Nam; 2) Tài sản thuộc sở hữu của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam gồm nhà cửa, vật kiến trúc trên đất thuộc kết cấu hạ tầng đường sắt hoặc trên đất không thuộc kết cấu hạ tầng đường sắt.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

2.1. Phòng Kế hoạch Kinh doanh và Tài chính Kế toán phối hợp Văn phòng Tổng công ty Đường sắt Việt Nam và các ga trực thuộc thực hiện niêm yết công khai trên cổng thông tin điện tử của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam và tại các địa điểm cung cấp dịch vụ tại Chi nhánh.

2.2. Trong hợp đồng cung cấp dịch vụ nêu rõ giá dịch vụ sẽ được điều chỉnh khi xảy ra một trong những trường hợp sau:

a. Có sự biến động của thị trường đối với dịch vụ. Tỷ lệ điều chỉnh tối thiểu bằng chỉ số CPI bình quân năm liền kề trước đó;

b. Chế độ chính sách mới của Nhà nước tác động, ảnh hưởng hoặc cấp có thẩm quyền ban hành giá dịch vụ mới;

c. Có thay đổi về kết cấu hạ tầng (cải tạo, nâng cấp, xây mới) để nâng cao chất lượng dịch vụ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Trưởng các Phòng: Kế hoạch Kinh doanh và Tài chính Kế toán, Tổ chức hành chính, Giám sát kỹ thuật và An toàn giao thông đường sắt; Trưởng các ga trực thuộc và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Tổng công ty ĐSVN (để b/c);
- Lưu: VT, KHKD&TCKT.

GIÁM ĐỐC

M.S.C.N: 0100105052-0 C.T.T.N
CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM KHAI THÁC ĐƯỜNG SẮT THỪA THIÊN HUẾ
THÀNH PHỐ HUẾ

Lê Trọng Tùng

PHỤ LỤC

Giá cụ thể các dịch vụ khai thác tài sản đường sắt do Chi nhánh Khai thác đường sắt Thừa Thiên Huế quản lý, khai thác

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 154 /QĐ-CNTTH ngày 30 /7/2025 của Giám đốc Chi nhánh Khai thác đường sắt Thừa Thiên Huế)

TT	Nhóm các ga	Địa điểm	Tên dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Nhóm tài sản	Tài sản	Đơn vị tính	Đơn giá	Mã hóa
1	A	Ga Huế	Dịch vụ bảo quản hàng hoá, lưu kho, lưu bãi	Dịch vụ khai thác kho	1	Nhà kho ga Huế	đồng/m²/ tháng	34.300	1.1
					2	Nhà để máy phát điện ga Huế	đồng/m²/ tháng	34.300	
					2	Nhà điều hành vận tải (nay là Phòng đợi tàu số 3)	đồng/m²/ tháng	44.100	1.2
			Dịch vụ bảo quản hàng hoá, lưu kho, lưu bãi	Dịch vụ khai thác bãi	1	Bãi hàng Ga Huế	đồng/m²/ tháng	17.200	1.3
					1	Bãi hóa trường ga Huế	đồng/m²/ tháng	17.200	
			Dịch vụ khai thác vị trí, địa điểm thuộc tài sản đường sắt	Dịch vụ khai thác văn phòng làm việc	1	Nhà ga Huế (cũ)	đồng/m²/ tháng	86.100	1.4
					2	Nhà điều hành SX XNQT-TT (nay là trụ sở cơ quan CN KTĐS Thừa Thiên Huế)	đồng/m²/ tháng	86.100	
					2	Nhà làm việc cơ quan hạt (nay là nhà công vụ Chi nhánh)	đồng/m²/ tháng	80.000	1.5
					2	Nhà điều hành vận tải (nay là Phòng đợi tàu số 3)	đồng/m²/ tháng	80.000	
					2	Nhà làm việc hóa vận ga Huế	đồng/m²/ tháng	80.000	
					2	Nhà lên ban trạm khám xe Huế	đồng/m²/ tháng	80.000	
					2	Nhà làm việc công an phường Đúc	đồng/m²/ tháng	80.000	

TT	Nhóm các ga	Địa điểm	Tên dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Nhóm tài sản	Tài sản	Đơn vị tính	Đơn giá	Mã hóa
			Dịch vụ khai thác vị trí, địa điểm thuộc tài sản đường sắt	Dịch vụ khai thác địa điểm kinh doanh	1	Nhà ga Huế (cũ)	đồng/m²/ tháng	82.100	1.6
					2	Nhà điều hành vận tải (nay là Phòng đợi tàu số 3)	đồng/m²/ tháng	82.100	
			Dịch vụ khai thác vị trí, địa điểm thuộc tài sản đường sắt	Dịch vụ quảng cáo	1	Nhà ga Huế (cũ)	đồng/m²/ tháng	92.200	1.7
					2	Nhà điều hành vận tải (nay là Phòng đợi tàu số 3)	đồng/m²/ tháng	92.200	
			Dịch vụ phòng chờ, lưu trú công vụ	Dịch vụ nhà lưu trú	2	Nhà làm việc cơ quan hạt (nay là nhà công vụ Chi nhánh)	đồng/m²/ tháng	65.600	1.8
					2	Nhà làm việc hóa vận ga Huế	đồng/m²/ tháng	65.600	
			Dịch vụ khai thác vị trí, địa điểm thuộc tài sản đường sắt	Dịch vụ khai thác nhà, xưởng	2	Nhà để xe đạp,xe máy HK ga Huế	đồng/m²/ tháng	57.500	1.9.1
					2	Nhà để xe đạp,xe máy HK ga Huế	đồng/m²/ tháng	4.300	1.9.2
					2	Nhà lên ban trạm khám xe Huế	đồng/m²/ tháng	57.500	1.9
			Dịch vụ khai thác vị trí, địa điểm thuộc tài sản đường sắt	Dịch vụ khai thác địa điểm lắp đặt máy móc, thiết bị	1	Nhà ga Huế (cũ)	đồng/m²/ tháng	235.000	1.10
			Dịch vụ khác liên quan đến khai thác tài sản đường sắt	Dịch vụ hợp tác vận chuyển hành khách (taxi)	1	Quảng trường ga Huế	đồng/m²/ tháng	89.700	1.11
	Dịch vụ khai thác tài sản khác nhóm A		Giá dịch vụ khai thác tài sản khác thuộc ga có cột Nhóm các ga đánh số "A" là giá trị nhỏ nhất của cùng loại hình dịch vụ tại ga Huế						

TT	Nhóm các ga	Địa điểm	Tên dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Nhóm tài sản	Tài sản	Đơn vị tính	Đơn giá	Mã hóa
2	B	Ga Đồng Hới	Dịch vụ bảo quản hàng hoá, lưu kho, lưu bãi	Dịch vụ khai thác kho	1	Nhà ga Đồng Hới	đồng/m²/ tháng	36.400	2.1
			Dịch vụ bảo quản hàng hoá, lưu kho, lưu bãi	Dịch vụ khai thác bãi	1	Bãi hàng ga Đồng Hới	đồng/m²/ tháng	13.300	2.2
			Dịch vụ khai thác vị trí, địa điểm thuộc tài sản đường sắt	Dịch vụ khai thác văn phòng làm việc	1	Nhà ga Đồng Hới	đồng/m²/ tháng	62.100	2.3
					2	Nhà ĐHSX Quảng Bình (Trụ sở làm việc Chi nhánh VTĐS Huế)	đồng/m²/ tháng	62.100	
					2	Nhà làm việc cơ quan XN (Trụ sở làm việc Chi nhánh VTĐS Huế)	đồng/m²/ tháng	62.100	
					2	Nhà làm việc cơ quan XN (Trụ sở làm việc Chi nhánh VTĐS Huế)	đồng/m²/t háng	62.100	
					2	Nhà Làm việc trạm khám xe Đồng Hới	đồng/m²/ tháng	62.100	
					2	Nhà giao tiếp trạm khám xe Đồng Hới (Nhà trạm vận tải và thanh tra đội 6 Cục Đường sắt)	đồng/m²/ tháng	62.100	
					2	Nhà lưu trú Đồng Hới (Nhà lưu trú Trạm khám xe Đồng Hới)	đồng/m²/ tháng	46.900	2.4
					2	Nhà lưu trú Đồng Hới	đồng/m²/ tháng	43.800	2.5

TT	Nhóm các ga	Địa điểm	Tên dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Nhóm tài sản	Tài sản	Đơn vị tính	Đơn giá	Mã hóa
					2	Nhà lưu trú 7 gian ga Đồng Hới	đồng/m²/ tháng	43.800	
					2	Nhà lưu trú CBCNV cấp nước	đồng/m²/ tháng	43.800	
			Dịch vụ khai thác vị trí, địa điểm thuộc tài sản đường sắt	Dịch vụ khai thác địa điểm kinh doanh	1	Nhà ga Đồng Hới	đồng/m²/ tháng	93.000	2.6.1
					2	Nhà Làm việc trạm khám xe Đồng Hới	đồng/m²/ tháng	93.000	
					2	Nhà giao tiếp trạm khám xe Đồng Hới (Nhà trạm vận tải và thanh tra đội 6 Cục Đường sắt)	đồng/m²/ tháng	61.000	2.6.2
					2	Nhà lưu trú Đồng Hới	đồng/m²/ tháng	61.000	
					2	12 ki-ốt phía Bắc (4 ki ốt gần cửa ra của ga)	đồng/m²/ tháng	184.000	2.6.3
					2	12 ki-ốt phía Bắc (4 ki ốt xa cửa ra ga)	đồng/m²/t háng	104.000	2.6.4
					2	12 ki-ốt phía Bắc (4 ki ốt xa hẳn cửa ra ga)	đồng/m²/ tháng	93.000	2.6.5
					2	11 ki-ốt phía Nam (4 ki ốt gần cửa ra của ga)	đồng/m²/ tháng	184.000	2.6.3
					2	11 ki-ốt phía Nam (4 ki ốt xa cửa ra của ga)	đồng/m²/ tháng	104.000	2.6.4
					2	11 ki-ốt phía Nam (3 ki ốt xa hẳn cửa ra của ga)	đồng/m²/ tháng	93.000	2.6.5
			Dịch vụ khai thác	Dịch vụ quảng	1	Nhà ga Đồng Hới	đồng/m²/ tháng	88.700	2.7

TT	Nhóm các ga	Địa điểm	Tên dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Nhóm tài sản	Tài sản	Đơn vị tính	Đơn giá	Mã hóa
			vị trí, địa điểm thuộc tài sản đường sắt	cáo	2	Nhà giao tiếp trạm khám xe Đồng Hới (Nhà trạm vận tải và thanh tra đội 6 Cục Đường sắt)	đồng/m²/ tháng	88.700	
					2	Nhà Làm việc trạm khám xe Đồng Hới	đồng/m²/ tháng	88.700	
					1	Bãi hàng ga Đồng Hới	đồng/m²/ tháng	88.700	
			Dịch vụ phòng chờ, lưu trú công vụ	Dịch vụ nhà lưu trú	2	Nhà lưu trú Đồng Hới (Nhà lưu trú Trạm khám xe Đồng Hới)	đồng/m²/ tháng	55.000	2.8
					2	Nhà giao tiếp trạm khám xe Đồng Hới (Nhà trạm vận tải và thanh tra đội 6 Cục Đường sắt)	đồng/m²/ tháng	55.000	
					2	Nhà Làm việc trạm khám xe Đồng Hới	đồng/m²/ tháng	55.000	
					2	Nhà lưu trú Đồng Hới	đồng/m²/ tháng	55.000	
					2	Nhà lưu trú 7 gian ga Đồng Hới	đồng/m²/ tháng	55.000	
					2	Nhà lưu trú CBCNV cấp nước	đồng/m²/ tháng	34.000	2.9
					2	Nhà tập thể 7 gian ga Đồng Hới	đồng/m²/t háng	34.000	
					2	Nhà tập thể 6 gian ga Đồng Hới	đồng/m²/ tháng	34.000	
			Dịch vụ khai thác vị trí, địa điểm	Dịch vụ khai thác nhà, xưởng	2	Nhà Làm việc trạm khám xe Đồng Hới	đồng/m²/ tháng	36.400	2.1

TT	Nhóm các ga	Địa điểm	Tên dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Nhóm tài sản	Tài sản	Đơn vị tính	Đơn giá	Mã hóa
			thuộc tài sản đường sắt		2	Nhà trông giữ để xe đạp, xe máy ga Đồng Hới	đồng/m²/ tháng	36.400	
					2	Nhà trông giữ để xe đạp, xe máy ga Đồng Hới	đồng/m²/ tháng	4.300	2.1.2
			Dịch vụ khai thác vị trí, địa điểm thuộc tài sản đường sắt	Dịch vụ khai thác địa điểm lắp đặt máy móc, thiết bị	1	Bãi hàng ga Đồng Hới	đồng/m²/ tháng	235.000	1.10
			dịch vụ khác liên quan đến khai thác tài sản đường sắt	Dịch vụ hợp tác vận chuyển hành khách (taxi)	1	Nhà ga Đồng Hới	đồng/m²/ tháng	74.100	2.10
	Dịch vụ khai thác tài sản khác nhóm B		Giá dịch vụ khai thác tài sản khác thuộc ga có cột Nhóm các ga đánh số "B" là giá trị nhỏ nhất của cùng loại hình dịch vụ tại ga Đồng Hới						
3	C	Ga Đông Hà	Dịch vụ bảo quản hàng hoá, lưu kho, lưu bãi	Dịch vụ khai thác kho	2	Nhà kho Đông Hà	đồng/m²/ tháng	29.300	3.1
					2	Nhà kho bãi hàng ga Đông Hà	đồng/m²/ tháng	29.300	
					2	Nhà kho ga Đông Hà (trong khuôn viên nhà nghỉ)	đồng/m²/ tháng	29.300	
					2	Nhà chứa máy nổ của ga Đông Hà	đồng/m²/ tháng	29.300	
			Dịch vụ bảo quản hàng hoá, lưu kho, lưu bãi	Dịch vụ khai thác bãi	1	Bãi hàng ga Đông Hà	đồng/m²/ tháng	13.600	3.2
			Dịch vụ khai thác	Dịch vụ khai thác	1	Nhà ga Đông Hà	đồng/m²/ tháng	41.000	3.3

TT	Nhóm các ga	Địa điểm	Tên dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Nhóm tài sản	Tài sản	Đơn vị tính	Đơn giá	Mã hóa
			vị trí, địa điểm thuộc tài sản đường sắt	văn phòng làm việc	2	Nhà Lưu trú ga Đông Hà	đồng/m²/ tháng	41.000	
			Dịch vụ khai thác vị trí, địa điểm thuộc tài sản đường sắt	Dịch vụ khai thác địa điểm kinh doanh	2	Dãy kiot phía trước ga Đông Hà	đồng/m²/t háng	43.000	3.4
			Dịch vụ khai thác vị trí, địa điểm thuộc tài sản đường sắt	Dịch vụ quảng cáo	1	Nhà ga Đông Hà	đồng/m²/ tháng	53.000	3.5
			Dịch vụ phòng chờ, lưu trú công vụ	Dịch vụ nhà lưu trú	2	Nhà Lưu trú ga Đông Hà	đồng/m²/ tháng	42.000	3.5
					2	Nhà nghỉ ga Đông Hà	đồng/m²/ tháng	42.000	
			dịch vụ khác liên quan đến khai thác tài sản đường sắt	Dịch vụ hợp tác vận chuyển hành khách (taxi)	1	Nhà ga Đông Hà	đồng/m²/ tháng	71.400	3.6
4	C	Ga Quảng Trị	Dịch vụ bảo quản hàng hoá, lưu kho, lưu bãi	Dịch vụ khai thác bãi	1	Bãi hàng ga Quảng Trị	đồng/m²/ tháng	13.600	3.2
			Dịch vụ khai thác vị trí, địa điểm thuộc tài sản đường sắt	Dịch vụ khai thác văn phòng làm việc	1	Nhà ga Quảng Trị	đồng/m²/ tháng	38.000	4.1
5	C	Ga Diên Sanh	Dịch vụ khai thác vị trí, địa điểm thuộc tài sản đường sắt	Dịch vụ khai thác văn phòng làm việc	1	Nhà ga Diên Sanh	đồng/m²/ tháng	38.000	4.1

TT	Nhóm các ga	Địa điểm	Tên dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Nhóm tài sản	Tài sản	Đơn vị tính	Đơn giá	Mã hóa
			Dịch vụ khai thác vị trí, địa điểm thuộc tài sản đường sắt	Dịch vụ quảng cáo	1	Nhà ga Diên Sanh	đồng/m²/ tháng	53.000	3.5
	Dịch vụ khai thác tài sản khác nhóm C		Giá dịch vụ khai thác tài sản khác thuộc ga có cột Nhóm các ga đánh số "C" là giá trị nhỏ nhất của cùng loại hình dịch vụ tại các ga: Đông hà, Quảng Trị và Diên Sanh						
			Dịch vụ bảo quản hàng hoá, lưu kho, lưu bãi	Dịch vụ khai thác kho			đồng/m²/ tháng	29.300	
			Dịch vụ bảo quản hàng hoá, lưu kho, lưu bãi	Dịch vụ khai thác bãi			đồng/m²/ tháng	13.600	
			Dịch vụ khai thác vị trí, địa điểm thuộc tài sản đường sắt	Dịch vụ khai thác văn phòng làm việc			đồng/m²/ tháng	38.000	
			Dịch vụ khai thác vị trí, địa điểm thuộc tài sản đường sắt	Dịch vụ khai thác địa điểm kinh doanh			đồng/m²/t háng	43.000	
			Dịch vụ khai thác vị trí, địa điểm thuộc tài sản đường sắt	Dịch vụ quảng cáo			đồng/m²/ tháng	53.000	
			Dịch vụ phòng chờ, lưu trú công vụ	Dịch vụ nhà lưu trú			đồng/m²/ tháng	42.000	

TT	Nhóm các ga	Địa điểm	Tên dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Nhóm tài sản	Tài sản	Đơn vị tính	Đơn giá	Mã hóa
			dịch vụ khác liên quan đến khai thác tài sản đường sắt	Dịch vụ hợp tác vận chuyển hành khách (taxi)			đồng/m²/ tháng	71.400	
6	D	Trạm An Cựu	Dịch vụ khai thác vị trí, địa điểm thuộc tài sản đường sắt	Dịch vụ khai thác văn phòng làm việc	1	Nhà trạm An Cựu	đồng/m²/ tháng	55.000	6.1
			Dịch vụ khai thác vị trí, địa điểm thuộc tài sản đường sắt	Dịch vụ quảng cáo	1	Nhà trạm An Cựu	đồng/m²/ tháng	53.000	6.2
			Dịch vụ phòng chờ, lưu trú công vụ	Dịch vụ nhà lưu trú	1	Nhà trạm An Cựu	đồng/m²/ tháng	30.800	6.3
7	D	Ga Hương Thủy	Dịch vụ bảo quản hàng hoá, lưu kho, lưu bãi	Dịch vụ khai thác kho	1	Nhà ga Hương Thủy (2tầng)	đồng/m²/ tháng	30.200	7.1
			Dịch vụ bảo quản hàng hoá, lưu kho, lưu bãi	Dịch vụ khai thác bãi	1	Bãi hàng ga Hương Thủy	đồng/m²/ tháng	13.400	7.2
			Dịch vụ khai thác vị trí, địa điểm thuộc tài sản đường sắt	Dịch vụ khai thác văn phòng làm việc	1	Nhà ga Hương Thủy (2tầng)	đồng/m²/ tháng	43.600	7.3
			Dịch vụ khai thác vị trí, địa điểm thuộc tài sản đường sắt	Dịch vụ khai thác địa điểm kinh doanh	1	Bãi hàng ga Hương Thủy	đồng/m²/ tháng	33.900	7.4

TT	Nhóm các ga	Địa điểm	Tên dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Nhóm tài sản	Tài sản	Đơn vị tính	Đơn giá	Mã hóa
			Dịch vụ khai thác vị trí, địa điểm thuộc tài sản đường sắt	Dịch vụ quảng cáo	1	Bãi hàng ga Hương Thủy	đồng/m²/tháng	53.000	6.2
			dịch vụ khác liên quan đến khai thác tài sản đường sắt	Dịch vụ hợp tác vận chuyển hành khách (taxi)	1	Bãi hàng ga Hương Thủy	đồng/m²/tháng	56.800	7.5
8	D	Ga Truồi	Dịch vụ bảo quản hàng hoá, lưu kho, lưu bãi	Dịch vụ khai thác kho	2	Nhà lên xuống ban ga Truồi	đồng/m²/tháng	25.900	8.1
			Dịch vụ khai thác vị trí, địa điểm thuộc tài sản đường sắt	Dịch vụ khai thác văn phòng làm việc	1	Nhà ga Truồi	đồng/m²/tháng	53.400	8.2
			Dịch vụ khai thác vị trí, địa điểm thuộc tài sản đường sắt	Dịch vụ khai thác địa điểm kinh doanh	1	Nhà kho + bếp ga Truồi	đồng/m²/tháng	50.500	8.3
			Dịch vụ khai thác vị trí, địa điểm thuộc tài sản đường sắt		2	Nhà lên xuống ban ga Truồi	đồng/m²/tháng	50.500	
			Dịch vụ khai thác vị trí, địa điểm thuộc tài sản đường sắt	Dịch vụ quảng cáo	1	Nhà ga Truồi	đồng/m²/tháng	53.000	6.2
					1	Nhà kho + bếp ga Truồi	đồng/m²/tháng	53.000	
9	D	Ga Cầu Hai	Dịch vụ khai thác	Dịch vụ khai thác	1	Nhà ga Cầu Hai	đồng/m²/tháng	43.600	7.3

TT	Nhóm các ga	Địa điểm	Tên dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Nhóm tài sản	Tài sản	Đơn vị tính	Đơn giá	Mã hóa
			vị trí, địa điểm thuộc tài sản đường sắt	văn phòng làm việc	2	Nhà ăn ga Cầu Hai	đồng/m²/ tháng	43.600	7.4
			Dịch vụ khai thác vị trí, địa điểm thuộc tài sản đường sắt	Dịch vụ quảng cáo	1	Nhà ga Cầu Hai	đồng/m²/ tháng	53.000	6.2
			Dịch vụ khai thác vị trí, địa điểm thuộc tài sản đường sắt	Dịch vụ khai thác văn phòng làm việc	1	Nhà ga Cầu hai	đồng/m²/ tháng	39.100	9.1
			Dịch vụ phòng chờ, lưu trú công vụ	Dịch vụ nhà lưu trú	2	Nhà ăn ga Cầu Hai	đồng/m²/ tháng	26.100	9.2
10	D	Ga Lăng Cô	Dịch vụ khai thác vị trí, địa điểm thuộc tài sản đường sắt	Dịch vụ khai thác văn phòng làm việc	1	Nhà ga Lăng Cô	đồng/m²/ tháng	46.500	10.1
					2	Nhà làm việc trạm khám xe Lăng Cô	đồng/m²/t háng	46.500	
			Dịch vụ khai thác vị trí, địa điểm thuộc tài sản đường sắt	Dịch vụ khai thác địa điểm kinh doanh	1	Nhà ga Lăng Cô	đồng/m²/ tháng	41.800	10.2
			Dịch vụ khai thác vị trí, địa điểm thuộc tài sản đường sắt	Dịch vụ quảng cáo	1	Nhà ga Lăng Cô	đồng/m²/ tháng	53.000	6.2
			Dịch vụ phòng chờ, lưu trú công vụ	Dịch vụ nhà lưu trú	2	Nhà lên ban Trạm khám xe Lăng Cô	đồng/m²/ tháng	35.000	10.3

TT	Nhóm các ga	Địa điểm	Tên dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Nhóm tài sản	Tài sản	Đơn vị tính	Đơn giá	Mã hóa
			dịch vụ khác liên quan đến khai thác tài sản đường sắt	Dịch vụ hợp tác vận chuyển hành khách (taxi)	1	Nhà ga Lăng Cô	đồng/m²/ tháng	71.400	10.4
11	D	Ga Văn Xá	Dịch vụ bảo quản hàng hoá, lưu kho, lưu bãi	Dịch vụ khai thác bãi	1	Bãi hàng ga Văn Xá	đồng/m²/ tháng	13.500	11.1
			Dịch vụ khai thác vị trí, địa điểm thuộc tài sản đường sắt	Dịch vụ khai thác văn phòng làm việc	1	Nhà ga Văn Xá	đồng/m²/ tháng	46.200	11.2
					2	Nhà làm việc Hóa vận ga Văn Xá	đồng/m²/ tháng	46.000	11.3
			Dịch vụ khai thác vị trí, địa điểm thuộc tài sản đường sắt	Dịch vụ quảng cáo	1	Nhà ga Văn Xá	đồng/m²/ tháng	53.000	3.5
					1	Bãi hàng ga Văn Xá	đồng/m²/ tháng	53.000	
					2	Nhà làm việc Hóa vận ga Văn Xá	đồng/m²/ tháng	53.000	
12	D	Ga Phò Trạch	Dịch vụ bảo quản hàng hoá, lưu kho, lưu bãi	Dịch vụ khai thác bãi	1	Bãi hàng ga Phò Trạch	đồng/m²/ tháng	13.800	12.1
			Dịch vụ khai thác vị trí, địa điểm thuộc tài sản đường sắt	Dịch vụ khai thác văn phòng làm việc	1	Nhà ga Phò Trạch	đồng/m²/ tháng	47.300	12.2
			Dịch vụ khai thác vị trí, địa điểm thuộc tài sản đường sắt	Dịch vụ quảng cáo	1	Nhà ga Phò Trạch	đồng/m²/ tháng	53.000	3.5
					1	Bãi hàng ga Phò Trạch	đồng/m²/ tháng	53.000	
	Dịch vụ khai thác tài sản khác nhóm D		Giá dịch vụ khai thác tài sản khác thuộc ga có cột Nhóm các ga đánh số "D" là giá trị nhỏ nhất của cùng loại hình dịch vụ tại các ga: Truồi, Lăng Cô, Cầu Hai, Trạm An Cựu, Văn Xá, Phò Trạch và Hương Thủy						

TT	Nhóm các ga	Địa điểm	Tên dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Nhóm tài sản	Tài sản	Đơn vị tính	Đơn giá	Mã hóa
			Dịch vụ bảo quản hàng hoá, lưu kho, lưu bãi	Dịch vụ khai thác kho			đồng/m²/ tháng	25.900	
			Dịch vụ bảo quản hàng hoá, lưu kho, lưu bãi	Dịch vụ khai thác bãi			đồng/m²/ tháng	13.400	
			Dịch vụ khai thác vị trí, địa điểm thuộc tài sản đường sắt	Dịch vụ khai thác văn phòng làm việc			đồng/m²/ tháng	39.100	
			Dịch vụ khai thác vị trí, địa điểm thuộc tài sản đường sắt	Dịch vụ khai thác địa điểm kinh doanh			đồng/m²/ tháng	33.900	
			Dịch vụ khai thác vị trí, địa điểm thuộc tài sản đường sắt	Dịch vụ quảng cáo			đồng/m²/ tháng	53.000	
			Dịch vụ phòng chờ, lưu trú công vụ	Dịch vụ nhà lưu trú			đồng/m²/ tháng	26.100	
			dịch vụ khác liên quan đến khai thác tài sản đường sắt	Dịch vụ hợp tác vận chuyển hành khách (taxi)			đồng/m²/ tháng	56.800	
13	E	Ga Kim Liên	Dịch vụ bảo quản hàng hoá, lưu kho, lưu bãi	Dịch vụ khai thác kho	2	Nhà kho ga Kim Liên (đối diện XN Hải Vân cũ)	đồng/m²/ tháng	35.200	13.1

TT	Nhóm các ga	Địa điểm	Tên dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Nhóm tài sản	Tài sản	Đơn vị tính	Đơn giá	Mã hóa
			Dịch vụ khai thác vị trí, địa điểm thuộc tài sản đường sắt	Dịch vụ khai thác văn phòng làm việc	1	Nhà ga Kim Liên	đồng/m²/ tháng	59.000	13.2
			Dịch vụ khai thác vị trí, địa điểm thuộc tài sản đường sắt		1	Nhà Điều hành SX -XN Hải Vân	đồng/m²/ tháng	59.000	
			Dịch vụ khai thác vị trí, địa điểm thuộc tài sản đường sắt		1	Nhà lưu trú và làm việc Trạm KC toa xe Kim Liên	đồng/m²/ tháng	59.000	
			Dịch vụ khai thác vị trí, địa điểm thuộc tài sản đường sắt		1	Nhà trạm khám xe ga Kim Liên	đồng/m²/ tháng	59.000	
			Dịch vụ khai thác vị trí, địa điểm thuộc tài sản đường sắt		1	Nhà kho ga Kim Liên (đối diện XN Hải Vân cũ)	đồng/m²/ tháng	59.000	
			Dịch vụ khai thác vị trí, địa điểm thuộc tài sản đường sắt	Dịch vụ khai thác địa điểm kinh doanh	1	Nhà ga Kim Liên	đồng/m²/ tháng	62.000	13.3
			Dịch vụ khai thác vị trí, địa điểm thuộc tài sản đường sắt		1	Nhà kho ga Kim Liên (đối diện XN Hải Vân cũ)	đồng/m²/ tháng	62.000	

TT	Nhóm các ga	Địa điểm	Tên dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Nhóm tài sản	Tài sản	Đơn vị tính	Đơn giá	Mã hóa
			Dịch vụ khai thác vị trí, địa điểm thuộc tài sản đường sắt	Dịch vụ khai thác bãi	1	Bãi hàng ga Kim Liên Km776+880	đồng/m²/ tháng	12.800	13.4
			Dịch vụ khai thác vị trí, địa điểm thuộc tài sản đường sắt	Dịch vụ nhà lưu trú	1	Nhà lưu trú và làm việc Trạm KC toa xe Kim Liên	đồng/m²/ tháng	60.000	13.5
			Dịch vụ khai thác vị trí, địa điểm thuộc tài sản đường sắt		1	Nhà trạm khám xe ga Kim Liên	đồng/m²/ tháng	60.000	
			Dịch vụ khai thác vị trí, địa điểm thuộc tài sản đường sắt		1	Nhà kho ga Kim Liên	đồng/m²/ tháng	60.000	
	Dịch vụ khai thác tài sản khác nhóm E		Giá dịch vụ khai thác tài sản khác thuộc ga có cột Nhóm các ga đánh số "E" là giá trị nhỏ nhất của cùng loại hình dịch vụ tại ga Kim Liên						
14	F	Ga Mỹ Đức	Dịch vụ khai thác vị trí, địa điểm thuộc tài sản đường sắt	Dịch vụ khai thác văn phòng làm việc	1	Nhà ga Mỹ Đức	đồng/m²/ tháng	43.800	2.5
			Dịch vụ khai thác vị trí, địa điểm thuộc tài sản đường sắt	Dịch vụ khai thác địa điểm kinh doanh	1	Nhà ga Mỹ Đức	đồng/m²/ tháng	50.700	14.1

TT	Nhóm các ga	Địa điểm	Tên dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Nhóm tài sản	Tài sản	Đơn vị tính	Đơn giá	Mã hóa
			Dịch vụ khai thác vị trí, địa điểm thuộc tài sản đường sắt	Dịch vụ quảng cáo	1	Nhà ga Mỹ Đức	đồng/m²/ tháng	53.000	6.2
			dịch vụ khác liên quan đến khai thác tài sản đường sắt	Dịch vụ hợp tác vận chuyển hành khách (taxi)	1	Nhà ga Mỹ Đức	đồng/m²/ tháng	65.700	14.2
			Dịch vụ bảo quản hàng hoá, lưu kho, lưu bãi	Dịch vụ khai thác bãi	1	Bãi hàng ga Mỹ Đức	đồng/m²/ tháng	13.300	2.2
15	F	Ga Mỹ Trạch	Dịch vụ khai thác vị trí, địa điểm thuộc tài sản đường sắt	Dịch vụ khai thác văn phòng làm việc	1	Nhà ga Mỹ Trạch	đồng/m²/ tháng	43.800	2.5
			Dịch vụ khai thác vị trí, địa điểm thuộc tài sản đường sắt	Dịch vụ khai thác địa điểm kinh doanh	1	Nhà ga Mỹ Trạch	đồng/m²/ tháng	41.800	11.3
			Dịch vụ khai thác vị trí, địa điểm thuộc tài sản đường sắt	Dịch vụ quảng cáo	1	Nhà ga Mỹ Trạch	đồng/m²/ tháng	53.000	6.2
			Dịch vụ khác liên quan đến khai thác tài sản đường sắt	Dịch vụ hợp tác vận chuyển hành khách (taxi)	1	Nhà ga Mỹ Trạch	đồng/m²/ tháng	65.700	14.2

TT	Nhóm các ga	Địa điểm	Tên dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Nhóm tài sản	Tài sản	Đơn vị tính	Đơn giá	Mã hóa
			Dịch vụ bảo quản hàng hoá, lưu kho, lưu bãi	Dịch vụ khai thác bãi	1	Bãi hàng ga Mỹ Trạch	đồng/m²/ tháng	10.400	15.1
16	F	Ga Hà Thanh	Dịch vụ bảo quản hàng hoá, lưu kho, lưu bãi	Dịch vụ khai thác bãi	1	Bãi hàng ga Hà Thanh	đồng/m²/ tháng	13.300	16.1
17	F	Trạm An Hòa	Dịch vụ khai thác vị trí, địa điểm thuộc tài sản đường sắt	Dịch vụ quảng cáo	1	Nhà trạm An Hòa	đồng/m²/ tháng	53.000	6.2
	Dịch vụ khai thác tài sản khác nhóm F		Giá dịch vụ khai thác tài sản khác thuộc ga có cột Nhóm các ga đánh số "F" là giá trị nhỏ nhất của cùng loại hình dịch vụ tại các ga: Mỹ Đức, Mỹ Trạch, Hà Thanh và Trạm An Hòa						
			Dịch vụ khai thác vị trí, địa điểm thuộc tài sản đường sắt	Dịch vụ khai thác văn phòng làm việc			đồng/m²/ tháng	43.800	
			Dịch vụ khai thác vị trí, địa điểm thuộc tài sản đường sắt	Dịch vụ khai thác địa điểm kinh doanh			đồng/m²/ tháng	41.800	
			Dịch vụ khai thác vị trí, địa điểm thuộc tài sản đường sắt	Dịch vụ quảng cáo			đồng/m²/ tháng	53.000	
			Dịch vụ khác liên quan đến khai thác tài sản đường sắt	Dịch vụ hợp tác vận chuyển hành khách (taxi)			đồng/m²/ tháng	65.700	

TT	Nhóm các ga	Địa điểm	Tên dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Nhóm tài sản	Tài sản	Đơn vị tính	Đơn giá	Mã hóa
			Dịch vụ bảo quản hàng hoá, lưu kho, lưu bãi	Dịch vụ khai thác bãi			đồng/m^2 /tháng	10.400	

Giá dịch vụ trên đã bao gồm tiền nộp NSNN 20% (đối với tài sản nhóm 1), tiền thuê đất (đối với tài sản nhóm 2) và chi phí quản lý, khai thác tài sản; chưa bao gồm các loại thuế giá trị gia tăng, phí, lệ phí, bảo hiểm và các chi phí phát sinh khác (nếu có) khi khai thác tài sản theo quy định pháp luật hiện hành.